

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 118/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 4 - 2019

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Phương

2. Ông Thái Công Sết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2018/TLST- HNGĐ, ngày 03-12-2018 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “*ly hôn và nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Bé T, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: tổ 6, ấp Phú T, xã Phú T, huyện PT, tỉnh An Giang. (hiện nay cư trú: tổ 17, ấp Hưng T1, xã Phú H, huyện PT, tỉnh An Giang).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Hùng K, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: tổ 6, ấp Phú T, xã Phú T, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị T có mặt, anh K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28-11-2018, bản tự khai ngày 24-01-2019 và lời khai tại phiên tòa thì chị Ngô Bé T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên anh chị được cậu mười Dân (bên chồng) làm mai mối với nhau, tìm hiểu khoảng thời gian ngắn cho đến ngày 17-10-1993 anh được cha, mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau được hạnh phúc đến năm 2007 phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày. Lý do anh K đi làm xa nhà, bỏ mặc vợ con không chăm lo cho gia đình một khoảng thời gian khá dài; có người phụ nữ khác bên ngoài, gia đình có nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh K không thay đổi, cũng không về nhà và

hiện nay bỏ nhà ra đi không rõ ở đâu nên chị cùng các con về cha, mẹ ruột tại xã Phú H sống ly thân từ cuối năm 2016 al cho đến nay và không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Hùng K.

Về quan hệ con chung: quá trình chung sống với nhau có 03 đứa con chung, hiện con chung tên Đỗ Thị N, sinh ngày 15-10-1994 và Đỗ Thị Cẩm T, sinh ngày 04-8-1997 đã trưởng thành, lập gia đình sống ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Thị Cẩm T, sinh ngày 20-12-2007 hiện đang chung sống với chị, không yêu cầu anh Đỗ Hùng K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Đỗ Hùng K vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, nên không có lời trình bày.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn anh Đỗ Hùng K vắng mặt, không chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Hôn nhân của chị Ngô Bé T và anh Đỗ Hùng K không có đăng ký kết hôn có xác nhận của UBND xã Phú T nên hôn nhân anh chị không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Về con chung hiện đang chung sống với chị Ngô Bé T cần ổn định đời sống cho cháu Đỗ Thị Cẩm T nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Bé T về nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và đề nghị đại diện VKSND, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Ngô Bé T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Đỗ Hùng K, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: tổ 6, ấp Phú T, xã Phú T, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Hùng K được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh K không có mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đỗ Hùng K.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Bé T với anh Đỗ Hùng K chung sống với nhau thời gian dài nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và

pháp luật về hộ tịch”, “Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” và điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng ; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.....” Như vậy, hôn nhân của anh chị không được pháp luật bảo vệ và tuyên bố không công nhận là quan hệ vợ chồng.

2.2 Về quan hệ con chung: chị Ngô Bé T xác định thời gian chung sống với anh Đỗ Hùng K có 03 người con chung gồm: người con tên Đỗ Thị Cẩm T, sinh ngày 20-12-2007 hiện đang chung sống với chị Ngô Bé T; riêng 02 người con tên Đỗ Thị N, sinh ngày 15-10-1994 và Đỗ Thị Cẩm T, sinh ngày 04-8-1997 đã lập gia đình, sống ổn định. Từ khi ly thân cho đến nay cháu Đỗ Thị Cẩm T chung sống với chị Ngô Bé T được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Từ đó, xét thấy hoàn cảnh và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chưa thành niên của chị Ngô Bé T là đảm bảo cần giữ ổn định cuộc sống cho cháu Đỗ Thị Cẩm T; mặt khác anh K hiện không rõ ở đâu nên HĐXX chấp nhận giao cho chị Ngô Bé T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Thị Cẩm T đến thành niên hoặc tự lập được theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đáng lẽ anh K phải cấp dưỡng nuôi con theo luật định nhưng chị Ngô Bé T tự nguyện không yêu cầu, do đó anh K chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu phải trả: chị Ngô Bé T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. *Về án phí DSST:* Chị Ngô Bé T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] *Quyền kháng cáo:* Chị Ngô Bé T và anh Đỗ Hùng K có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Bé T với anh Đỗ Hùng K.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao người con tên Đỗ Thị Cẩm T, sinh ngày 20-12-2007 cho chị Ngô Bé T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên hoặc tự lập được; chị Ngô Bé T tự nguyện không yêu cầu anh Đỗ Hùng K cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Chị Ngô Bé T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Đỗ Hùng K đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Chị Ngô Bé T phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007205 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2 Anh Đỗ Hùng K không phải chịu án phí.

Chị Ngô Bé T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đỗ Hùng K được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thành Thuận